

Bản án số: **16** /2023/HS-ST

Ngày:06/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Hoàng Anh

Ông Lê Văn Huy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Công Thành- Kiểm sát viên.**

Ngày 06 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Tràng Văn T- Sinh năm: 1994; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT: Thôn X, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, hiện đang bị tạm đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 71/QĐ/UBKTHU ngày 13/01/2023 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy Yên Mỹ; Họ và tên cha: Tràng Văn L – Sinh 1971; Họ và tên mẹ: Lê Thị L1 – Sinh 1968; Gia đình có 02 chị, em bị cáo là con thứ hai; Họ và tên vợ: Vũ Thị Khánh L2 – Sinh 1998; Có 01 con, Tràng Tuệ A - sinh năm 2021, Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo T có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

Anh Hàn Đức T11– Sinh năm 1993

Địa chỉ: Số M ngõ M1 Q, tổ M2 phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình

Nơi ở: Phòng H1 tòa S V, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Trương Văn H, sinh năm 1995

Chị Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1994

Cùng Địa chỉ: Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

Người bào chữa cho bị cáo Tùng: Luật sư Chu Thành N – Công ty luật TNHH thế kỷ X

(Anh Hàn Đức T11, Anh H1, Chị D vắng mặt tại phiên tòa, Luật sư Nam có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/5/2022 anh Hàn Đức T11, sinh năm: 1993, HKTT: Số M ngõ M1 Q, Tr, TP T, Ninh Bình, chỗ ở: P.H1 Tòa S V, Đ, G, Hà Nội đến Công an xã Đ1 thuộc Công an Huyện G trình báo về việc: Khoảng 15 giờ ngày 08/5/2022, tại bến cát L3 ở Thôn B, Đ1, G, Hà Nội anh bị Trương Văn H và Tràng Văn T có hành vi dùng tay không đánh, đe dọa bắt T1 phải trả tiền, Do sợ nên Anh T1 đã phải chuyển khoản trả số tiền 47.000.000 đồng cho Trương Văn H.

Ngày 09/5/2022, Trương Văn H đến công an xã Đ1 đầu thú.

Vật chứng thu giữ của Trương Văn H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh lấp sim liên lạc số 0971704xxx; 01 tập giấy A4 (gồm 17 tờ) photo, nội dung tin nhắn liên quan việc đòi tiền giữa Trương Văn H và Hàn Đức T11,

- Thu giữ của anh Lê Hoàng L4: 01 USB màu đỏ ghi lại hình ảnh vụ việc xảy ra ngày 08/5/2022 tại bến L3, thôn B, Đ1, G

Ngày 30/11/2022, Tràng Văn T đến Công an huyện G đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra, Trương Văn H và bị cáo Tràng Văn T đã khai nhận: Trương Văn H và anh Hàn Đức T11 có quen biết nhau từ năm 2020 và cùng kinh doanh làm vận tải vật liệu xây dựng. Ngày 08/3/2022, anh Hàn Đức T11 (là người làm cho Công ty C, trụ sở: B1, L4, Hà Nội) thuê H chở cát và mẩu cầu bốc xúc từ bãi L3, Đ1, G, Hà Nội về V, Hưng Yên tiền công thỏa thuận cước vận chuyển 29.000 đồng/ 1khối và công xúc 14.000 đồng/khối. Đến ngày 10/3/2022, hai bên nghiệm thu xác nhận H đã chở 30 chuyến và 1670 khối lượng xúc cát, anh Đức T1 phải thanh toán cho H tổng số tiền là 47.371.700 đồng. Hai đã đòi nhiều lần nhưng anh Đức T1 nói chị Nguyễn Thị H1 là giám đốc C chưa giải ngân được nên chưa có tiền trả cho H và hẹn sau nghỉ lễ 30/4 và ngày 01/5/2022 sẽ trả tiền. H nói cho Tràng Văn T, sinh năm 1994, trú tại: X, Đ, Y, Hưng Yên (là người làm cùng với H) biết việc Đức T1 nợ tiền của H chưa trả và bảo Văn T nếu gặp anh Đức T1 thì

báo cho H biết để cùng đến đòi tiền. Văn T đồng ý, nhưng bản thân Tràng Văn T không quen biết và chưa gặp anh Hàn Đức T11 lần nào. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 08/5/2022, Tràng Văn T một mình điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Honda, màu mận, BKS 89A – 13739 đi đến bãi L3 gặp, trao đổi về việc nhận chở cát thuê với anh Nguyễn Khắc C1, sinh năm 1993, trú tại: T2, Q, T, Ninh Bình. Qua trao đổi, Văn T biết anh C1 làm thuê cho anh Hàn Đức T11, hiện anh Đức T1 đang ở Bãi L3. Sau đó Văn T gọi vào số điện thoại 0971704xxx của H nói Đức T1 đang ở bãi L3, Đ1. Lúc này H đang ngồi uống nước tại gầm cầu Th, Hà Nội đã điều khiển xe ô tô bán tải màu đen, BKS: 89C-21085 đi đến bãi L3, thì gặp anh Đức T1 đang điều khiển xe ô tô Mercedes, màu trắng đi ra, thì xe ô tô của H chặn đầu xe ô tô của Đức T1 còn xe ô tô của Văn T chặn đuôi xe ô tô của anh Đức T1 mục đích bắt anh Đức T1 trả tiền cho H. Sau đó, H xuống xe ô tô và đi bộ về phía đầu xe ô tô của anh Đức T1, mở cửa xe ô tô hai tay túm cổ áo, lôi anh Đức T1 ra khỏi xe và nói “Hôm nay mày không trả tiền tao, tao bắt mày lên xe” còn Văn T túm áo từ phía sau anh Đức T1 nói “ Mày đi làm ăn kiểu gì, mấy tháng không trả người ta tiền. Mày biết biết đây là đất ở đâu không mà làm ăn thế ”. Anh Đức T1 xin khát đến chiều trả nhưng H không đồng ý. Lúc này Văn T vẫn túm tay, túm tóc anh Đức T1 còn H dùng tay trái túm cổ áo còn tay phải đâm liên tiếp vào mặt và vào bụng anh Đức T1 bị chấn thương phần mềm vùng mặt. Do sợ bị đánh tiếp nên Đức T1 đã đồng ý trả tiền và bảo Hai đọc số tài khoản Ngân hàng của H để anh T1 chuyển khoản. H đọc số tài khoản ngân hàng VPbank 5195382xxx của H cho anh Hàn Đức T11. Anh Đức T1 dùng điện thoại di động có số tài khoản ngân hàng MBbank số: 1350199388xxx chuyển số tiền 47.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng VPbank số: 5195382xxx mang tên Trương Văn H. Sau khi H nhìn thấy anh Đức T1 đã chuyển tiền, H bảo Văn T ra xe ô tô của H lấy điện thoại để H kiểm tra, khi thấy điện thoại báo giao dịch chuyển tiền thành công thì H mới bỏ tay khỏi người anh Đức T1. Sau đó H và Văn T điều khiển xe ô tô bỏ đi. Đến chiều 09/5/2022, H đã đến Công an xã Đ1 đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Còn Tràng Văn T, do lo sợ bị xử lý nên đã bỏ đi khỏi địa phương đến ngày 30/11/2022, đến Công an huyện G đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của Trương Văn H và bị cáo Tràng Văn T phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với thương tích của anh Hàn Đức T1, ngày 13/6/2022, Cơ quan CSĐT - Công an huyện G đã ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích nhưng anh T1 từ chối giám định thương tích và không yêu cầu bồi thường. Nên cơ quan điều tra không đề nghị xử lý.

Đối với hành vi của Trương Văn H đã được Toà án nhân dân huyện G xét xử tại bản án số 175/2022/HS-ST ngày 29/9/2022. Trương Văn H kháng cáo bản án trên.

Đối với vật chứng vụ án đã được giải quyết theo Quyết định của bản án số 175/2022/HS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện G. Do vậy không xem xét giải quyết.

Tại cơ quan điều tra bị cáo Trảng Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Cáo trạng số 09/CT-VKSGL ngày 12/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G– TP Hà Nội truy tố bị cáo Trảng Văn T về tội: Cướp tài sản theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo, qua tranh luận tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của bị cáo Trảng Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội: Cướp tài sản theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 168; Điều 65; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của BLHS 2015.

Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo Trảng Văn T 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng kể từ ngày Tòa tuyên án.

Giao bị cáo Trảng Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng

Về dân sự: Anh Hàn Đức T1 đã nhận đầy đủ số tiền 47.000.000 đồng không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự nên đề nghị không xét

Về xử lý vật chứng: Đã được giải quyết theo Quyết định của bản án số 175/2022/HS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện G. Do vậy đề nghị không xem xét giải quyết.

Nói lời sau cùng bị cáo T nhận thấy việc làm của bản thân là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét mở lượng khoan hồng cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt:

Xét lời khai nhận của bị cáo Tràng Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, lời khai người làm chứng, bản kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 08/5/2022, tại bến cát L3 Thôn B, Đ1, G, Hà Nội, bị cáo Tràng Văn T và Trương Văn H có hành vi túm tay, túm tóc và đâm vào mặt, bụng anh Hàn Đức T1 để chiếm đoạt số tiền 47.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Tràng Văn T đã cấu thành tội: "Cướp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo về tội: “ Cướp tài sản ” theo khoản 1 điều 168 của Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt phù hợp tương xứng với tính chất mức độ đối với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[3] Về hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo :

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội cùng nhân thân bị cáo T chưa có tiền án tiền sự, khi thực hiện hành vi phạm tội là do suy nghĩ nông cạn, bột phát, gây thiệt hại không lớn vì bản chất của vụ án là do xuất phát từ giao dịch dân sự hai bên có nợ tiền nhau trong việc thuê vận chuyển và san mức cát giữa Hàn Đức T1 và Trương Văn H, do lời qua tiếng lại và bức xúc trong việc đòi nợ nên có hành vi dẫn đến vi phạm pháp luật hình sự, bị cáo H cũng đã bị xử lý về hình sự và được cải tạo ngoài xã hội. Bị cáo T trong vụ án đồng phạm có vai trò thứ yếu giúp sức cho Trương Văn H thực hiện hành vi Cướp tài sản, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú, thiệt hại

gây ra không lớn nên bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, h Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015.

Như vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng cho bị cáo T được một hình phạt tù dưới mức thấp nhất khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự 2015.

Về tình tiết tăng nặng TNHS của bị cáo: Không

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng mức hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của HĐXX.

[4] *Hình phạt bổ sung:*

Do bị cáo không tài sản và thu nhập nên không áp dụng.

Đại diện VKS đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của HĐXX.

[5] *Về dân sự:*

Anh Hàn Đức T1 đã nhận đầy đủ số tiền 47.000.000 đồng không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự nên đề nghị không xét

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về dân sự phù hợp với nhận định của HĐXX.

[6] *Về xử lý vật chứng:* Đã được giải quyết theo Quyết định của bản án số 175/2022/HS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện G. Do vậy không xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của HĐXX

[7] *Về án phí và quyền kháng cáo:*

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST

Bị cáo và những người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 điều 168, điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Tràn Văn T 27(Hai mươi bảy) tháng tù về tội “Cướp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 54 (Năm mươi bốn) tháng tính từ ngày Tòa tuyên án.

Giao bị cáo Trầg Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

2. Áp dụng khoản 5 Điều 65 BLHS: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3.Về hình phạt bổ sung : Không áp dụng đối với bị cáo.

4.Về dân sự : Bị hại là anh Anh Hàn Đức T1 đã nhận đầy đủ số tiền 47.000.000 đồng không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự nên Tòa không xét

5.Về xử lý vật chứng: Đã được giải quyết theo Quyết định của bản án số 175/2022/HS-ST ngày 29/9/2022 của Toà án nhân dân huyện G. Do vậy không xem xét giải quyết.

6. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

7. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 bộ luật Tổ tụng Hình sự 2015.

Án xử công khai sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- Công an huyện Gia Lâm;
- VKSND huyện Gia Lâm;
- THADS huyện Gia Lâm;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Tuấn